

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ VĨNH CHÂU  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2017/DS-ST

Ngày: 20/01/2017

"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

## **NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Triệu Khánh Long.

- Ông Lâm Văn Tám.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Đem - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 01 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, mở phiên tòa để xét xử dân sự sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2016/TLST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2016 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2016/QĐST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2016 và Quyết hoãn phiên tòa số: 20/2016/QĐST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Bà T K T, sinh năm 1966; (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã L H, thị xã V C, tỉnh Sóc Trăng.

\* Bị đơn: Bà L T C, sinh năm 1978; (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã L H, thị xã V C, tỉnh Sóc Trăng.

## **NHẬN THẤY**

- Theo đơn khởi kiện ngày 23/8/2016, cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà T K T trình bày: Ngày 04/01/2014 (âm lịch) bà T K T có tổ chức chơi hội ngày do bà làm chủ hội có 110 người tham gia chơi, mỗi chân hội trị giá 10.000 đồng, hình thức đóng hội là góp hằng ngày. Bà L T C tham gia chơi 40 chân, trong ngày 04/01/2014 (âm lịch) bà C hót 40 chân được số tiền là 43.000.000 đồng. Sau khi hót hội bà C góp hội chết được

số tiền 28.800.000 đồng thì không góp tiếp nên còn nợ lại số tiền là 14.800.000 đồng. Thấy hoàn cảnh gia đình bà C khó khăn nên bà T đã tạo điều kiện cho bà C trả góp mỗi ngày là 100.000 đồng, thay vì góp mỗi ngày là 400.000 đồng. Bà C góp được 3.100.000 đồng thì không góp trả cho bà nữa nên còn nợ lại bà số tiền là 11.700.000 đồng. Bà T đã nhiều lần yêu cầu bà C phải trả cho bà số tiền nợ còn nợ nêu trên nhưng bà C không thanh toán nên bà T đã yêu cầu tổ hòa giải ấp Prey Chóp, xã Lai Hòa tổ chức hòa giải nhưng không thành.

Vì vậy, bà T K T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng giải quyết buộc bà L T C phải trả số tiền còn nợ là 11.700.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn L T C trình bày: Bà thừa nhận có tham gia chơi hụi ngày do bà T K T làm chủ hụi, hình thức chơi là góp tiền mỗi ngày như bà T đã trình bày. Tuy nhiên, bà chỉ tham gia chơi 10 chân hụi, mỗi chân là 10.000 đồng, thời gian bắt đầu chơi từ ngày 06/7/2015 với số người tham gia là 92 người. Vào ngày 06/8/2015 bà có hốt hụi và nhận được số tiền 8.390.000 đồng từ bà T sau đó góp hụi cho bà T được số tiền là 6.100.000 đồng nên đã không còn nợ tiền như lời bà T đã trình bày. Vì vậy, việc bà T cho rằng bà còn nợ lại số tiền 11.700.000 đồng là không đúng, bà không đồng ý thanh toán cho số tiền nêu trên theo yêu cầu của nguyên đơn T K T.

Tại phiên hòa giải, các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ các vấn đề tranh chấp trong vụ án, do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

### XÉT THẤY

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án và tổng đạt hợp lệ cho các đương sự, đồng thời thu thập các tài liệu chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án; thông báo cho các đương sự cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án; mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ để các đương sự được tiếp cận, sao chụp tài liệu chứng cứ mà các bên đương sự cung cấp và tài liệu, chứng cứ mà Tòa án đã thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án; tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Mặc dù lời trình bày của các đương sự cũng như người làm chứng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên

tòa đều cho rằng hình thức giao dịch giữa các bên là xuất phát từ hình thức giao dịch góp hụi với nhau nhưng thực tế là hình thức cho vay trả góp có lãi suất mỗi ngày, không phải là hình thức chơi hụi theo quy định tại Điều 471 của bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị Định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hụi, biêu, phường. Do đó, Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án nêu trên là tranh chấp hợp đồng góp hụi là chưa chính xác, nghĩ nên cần phải xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thì mới phù hợp với bản chất sự việc của vụ án. Cụ thể là tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn T K T và bị đơn Lâm Thị C .

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, nguyên đơn T K T cho rằng Ngày 04/01/2014 (âm lịch) bị đơn L T C có tham gia chơi 40 chân hụi ngày, cũng trong ngày đó bị đơn C hốt 40 chân, bà T đã giao cho bị đơn C số tiền là 43.000.000 đồng. Sau khi hốt hụi bà C góp được số tiền 31.300.000 đồng thì không góp trả cho bà nữa còn nợ lại bà số tiền là 11.700.000 đồng. Xét lời trình bày của nguyên đơn T không được bị đơn C thừa nhận nhưng nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình ngoài tờ tường trình ngày 14/11/2016 về việc người làm chứng là bà Trương Thị Ken (Trương Thị Mỹ Quyên) biết sự việc trên và tại phiên tòa nguyên đơn cung cấp tờ giấy viết tay do chính nguyên đơn viết thể hiện sự theo dõi, ghi chép việc chơi hụi giữa các bên.

Tuy nhiên, qua xem xét đánh giá chứng cứ là tờ giấy tập học sinh có ghi chữ mà nguyên đơn T cung cấp tại tòa thấy rằng: nội dung và chữ viết trong tờ giấy trên là do tự nguyên đơn ghi thể hiện sự theo dõi việc chơi hụi, hốt hụi giữa nguyên đơn với bị đơn nhưng chỉ do một phía nguyên đơn tự ghi không được sự xác nhận của bị đơn C . Đồng thời, tại phiên tòa bị đơn C cũng không thừa nhận việc có tham gia chơi hụi như phía nguyên đơn T đã ghi trong tờ giấy và trình bày tại tòa. Bên cạnh đó, bà Trương Thị Ken (Trương Thị Mỹ Quyên) chỉ trình bày chung chung, biết bà C có tham gia chơi hụi nhưng không biết bao nhiêu chân, không biết bà C hốt hụi bao nhiêu tiền mà chỉ thấy bà C có đến gặp bà T để góp hụi và chỉ nghe bà T nói lại bà C còn phải góp thêm 38 ngày nữa mới hết. Do đó, không có cơ sở để xác định bị đơn C có tham gia chơi 40 chân hụi và đã nhận số tiền hốt hụi 43.000.000 đồng như nguyên đơn T đã trình bày.

Phía bị đơn L T C chỉ thừa nhận chỉ có tham gia chơi 10 chân hụi do bà T làm chủ hụi từ ngày 06/7/2015 đến ngày 06/8/2015 thì có hốt hụi từ bà T K T được số tiền 8.390.000 đồng nhưng bị đơn C cho rằng đã góp cho nguyên đơn đủ số tiền đã nhận nên không còn nợ tiền của nguyên đơn. Xét lời trình bày của

bị đơn C đã góp đủ số tiền cho nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận, bởi phía nguyên đơn không thừa nhận việc bị đơn đã góp xong cho nguyên đơn số tiền còn nợ. Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn L T C không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho việc đã góp xong số tiền đã nhận cho nguyên đơn T như lời trình bày của mình mặc dù Tòa án đã có thông báo cho bị đơn C cung cấp chứng cứ, tài liệu chứng minh lời trình bày của mình là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời thừa nhận nợ của bị đơn C được quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 khẳng định bị đơn L T C có nhận của nguyên đơn T K T số tiền là 8.390.000 đồng. Do đó bị đơn C phải có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn số tiền đã nhận là 8.390.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm các bên đều thừa nhận hình thức góp hụi của nhau là hình thức góp hụi có thỏa thuận lãi suất nhưng các bên không xác định lãi suất cụ thể là bao nhiêu. Xét thấy lời thừa nhận của các đương sự về hình thức góp hụi có lãi là phù hợp với lời trình bày của người làm chứng đồng thời là người tham gia chơi chung đây hụi là bà T M Q nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 khẳng định hình thức góp hụi của các đương sự là hình thức cho vay có lãi suất. Tuy nhiên, các đương sự không xác định được với nhau về mức lãi suất có tranh chấp về lãi suất nhưng không có văn bản chứng cứ gì chứng minh cho mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận với nhau nên Hội đồng xét xử áp dụng mức lãi suất 10% /năm tương đương 0,83 %/ tháng quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để làm căn cứ để tính lãi suất trong vụ án. Theo đó, tiền lãi suất được tính từ ngày 06/8/2015 đến ngày 20/01/2017 tổng cộng là 17 tháng 14 ngày, vốn vay 8.390.000 đồng x 0,83 % x 17 tháng 14 ngày = 1.216.326 đồng.

Từ những phân tích nhận định trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn T K T là có cơ sở chấp nhận một phần. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 buộc bị đơn L T C phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn T K T khoản tiền vốn đã nhận 8.390.000 đồng và tiền lãi phát sinh đến ngày xét xử là 1.216.326 đồng. Tổng cộng là 9.606.326 đồng.

\* Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà T K T được chấp nhận một phần nên nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần không được chấp cụ thể là  $11.700.000 - 9.606.326 = 2.093.674$  đồng. Do giá trị tranh chấp dưới 4.000.000đ nên nguyên đơn T K T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng). Theo quy định tại khoản 4 điều 27

Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa XII.

Bị đơn L T C phải chịu án phí có giá ngạch trên toàn bộ số tiền phải thanh toán được quy định tại khoản 2 điều 27 Pháp lệnh số: 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa XII. Cụ thể là:  $9.606.324 \text{ đồng} \times 5\% = 480.316 \text{ đồng}$ .

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Tòa án đã thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, thẩm phán giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; Tuy nhiên việc xác định quan hệ pháp luật chưa chính xác, đề nghị Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thì mới đảm bảo và đúng bản chất sự việc của vụ án; có tiến hành thu thập chứng cứ đầy đủ và đúng quy định. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử cũng như của những người tham gia tố tụng cơ bản đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với quan điểm về việc giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát cho rằng phía nguyên đơn bà T K T không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh cho việc bà c có tham gia chơi 40 chân hụi và còn nợ bà số tiền là 11.700.000 đồng, trong khi đó bị đơn bà L T C chỉ thừa nhận có nhận của bà T số tiền chơi hụi là 8.390.000 đồng nhưng không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh được đã góp xong khoản tiền đã nhận cho bà T. Nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào lời thừa nhận của bị đơn C chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn T K T. Buộc bị đơn L T C phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền đã nhận cùng với số tiền lãi suất phát sinh từ khi nhận tiền đến ngày xét xử. Xét đề nghị trên là có căn cứ phù hợp với những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được phân tích đánh giá tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

***Vì các lẽ trên;***

#### QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 144, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng: Các Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng: Khoản 2, khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XII.

***Tuyên xử:***

1/. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn T K T đối với bị đơn L T C về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà L T C phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà T K T số tiền vốn vay đã nhận là 8.390.000 đồng và tiền lãi phát sinh đến ngày xét xử là 1.216.326 đồng. Tổng cộng là 9.606.326 đồng.

Kể từ ngày án có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn, bị đơn còn phải trả lãi đối với số tiền vốn chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định của pháp luật.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: buộc bà L T C phải chịu là 480.316 đồng.

Bà T K T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 312.000 đồng theo Biên lai số 0002610 ngày 30/08/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, bà T K T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm được nhận lại số tiền án phí còn dư là 112.500 đồng.

Các khoản tiền trên nộp và nhận tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu.

Các đương sự có quyền kháng cáo đối với Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

**Nơi nhân**

-VKSND thị xã Vĩnh Châu;

- các đương sự

- lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Minh Toàn**